UBND Xã Hưng Đạo

Biểu số 115/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	**12378210000**	**7000000000**	**5378210000**	**5018986587**	**2000000000**	**3018986587**	**40.55**	**28.57**	**56.13**
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục	3499467000	3499467000		2000000000	2000000000		57.15	57.15	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	455420000	427420000	28000000						
4	Chi văn hóa, thông tin	60000000		60000000	16900000		16900000	28.17		28.17
5	Chi phát thanh, truyền thanh	86280000		86280000	33222000		33222000	38.5		38.5
6	Chi thể dục, thể thao	32000000		32000000	26700000		26700000	83.44		83.44
7	Chi bảo vệ môi trường	46000000		46000000	37500000		37500000	81.52		81.52
8	Chi các hoạt động kinh tế	740031000	680575000	59456000	33560600		33560600	4.54		56.45
	Giao thông	710575000	680575000	30000000	17775000		17775000	2.5		59.25
	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	29456000		29456000	15785600		15785600	53.59		53.59
9	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	6590004000	2392538000	4197466000	2198048396		2198048396	33.35		52.37
10	Chi cho công tác xã hội	715008000		715008000	540004000		540004000	75.52		75.52
11	Chi khác	70000000		70000000	133051591		133051591	190.07		190.07
12	Dự phòng	84000000		84000000						
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									